

Bản án số: 70/2025/DS-PT

Ngày 11/3/2025

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Bà Trương Tố Hương;

Ông Hồ Văn Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Điền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2024/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 219/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Q (Hồng H);

Địa chỉ: Số 404, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ liên hệ hiện nay: Số 353/1, ấp N, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thị L;

Địa chỉ: Số 73/1, ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người kháng cáo: Bà Lê Thị L - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 8 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Q (Hồng H) trình bày:

Bà L làm chủ hụi, còn bà là hụi viên. Bà có tham gia 03 dây hụi của bà L, cụ thể như sau:

Dây 1, hội tháng 500.000 đồng, mở ngày 15/02/2016 âm lịch, có 46 phần, bà tham gia 01 phần, giấy hội ghi tên “H H”, bà đóng hội sống được 23 lần, đến lần khai thứ 24 thì bà L không khai hội nữa nên bà L còn nợ bà tính theo lãi hội là 11.500.000 đồng.

Dây 2, hội tháng 500.000 đồng, mở ngày 28/8/2016 âm lịch, có 41 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng hội sống được 17 lần, đến lần khai thứ 18 thì bà L không khai hội nữa nên bà L còn nợ bà tính theo lãi hội là 8.500.000 đồng.

Dây 3, hội mùa 3.000.000 đồng, mở ngày 25/10/2016 âm lịch, có 25 phần, bà tham gia 01 phần, bà đóng hội sống được 04 lần, đến lần khai thứ 05 thì bà L không khai hội nữa nên bà L còn nợ bà tính theo lãi hội là 12.000.000 đồng.

Cộng chung 03 dây hội trên, bà L còn nợ bà tổng số tiền 32.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho bà số tiền hội còn nợ 32.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà thừa nhận bà Q có tham gia dây hội tháng mở ngày 28/8/2016 âm lịch (Dây 2) và dây hội mùa mở ngày 25/10/2016 âm lịch (Dây 3) do bà làm chủ hội, 02 dây hội này bà không duy trì đến tận là do hội bẽ. Bà Q có đóng hội sống được 17 lần dây 2 với tiền vốn đóng vào là 4.575.000 đồng (tiền lãi hội là 3.925.000 đồng) và đóng hội sống được 04 lần dây 3 với số tiền vốn đóng vào là 5.475.000 đồng (tiền lãi hội là 6.525.000 đồng). Hội bẽ là do các thành viên khác không đóng hội cho chủ hội.

Đối với dây hội mở ngày 15/02/2016 âm lịch (Dây 1) thì không có bà Q tham gia. Dây hội này ban đầu có 44 người tham gia, sau đó có bổ sung thêm 02 người là “Út Q” và “Út C”, tổng số là 46 phần. Danh sách hội của bà Q nộp cho Tòa án là do bà Q tự điền tên vào danh sách hội, chứ bà là chủ hội thì có ghi sổ theo dõi, không có bà Q tham gia ở dây hội này.

Nay bà đồng ý trả cho bà Q đối với 02 dây hội 2 và 3 với số tiền vốn đóng vào là 10.050.000 đồng, còn tiền lãi của 02 dây hội số tiền 10.450.000 đồng thì bà không đồng ý trả. Đối với dây 1 thì bà Q không có tham gia nên bà không có nợ bà Q.

Tại Bản án số 118/2024/DS-ST ngày 08/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Điều 23, Điều 25, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ, về họ, hội, biểu, phò; khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q (Hồng H). Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Q số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền; hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 08/7/2024, bà L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q đối với dây hụi 1 số tiền 11.500.000 đồng, còn dây hụi 2 và 3, bà thừa nhận nợ bà Q số tiền tổng cộng 20.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Q không rút đơn khởi kiện, bà L không rút kháng cáo và các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà L là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị L đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà L, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3] Dây hụi số 1, hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 15/02/2016 âm lịch, bà Q cho rằng bà có tham gia 01 phần do bà L làm chủ hụi, trong danh sách hụi ghi tên “H H”, bà đã đóng được 23 lần, đến lần khai hụi thứ 24 thì bà L không chịu khai nữa nên bà yêu cầu bà L trả tiền dây hụi này tính theo lãi hụi là

11.500.000 đồng; còn bà L cũng xác nhận đây hụi này do bà làm chủ hụi nhưng bà Q không có tham gia nên không đồng ý trả.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác minh xác định được đây hụi này có 46 phần, trong đó các bên đều thừa nhận lúc đầu có 44 phần, sau đó bổ sung thêm 02 phần, bà Q cho biết 02 phần bổ sung thêm là “Út Q” và bà (trong giấy hụi ghi là “H H”), bà Q có cung cấp cho Tòa án “Tờ hùng vốn hàng tháng 500.000^d” đề ngày 15/02/2016 (bút lục 33) do bà L ghi đưa cho bà có danh sách hụi viên kèm theo, trong đó có bà ở thứ tự số 46 ghi bằng mực màu xanh; còn bà L cũng cung cấp cho Tòa án “Tờ hùng vốn hàng tháng 500.000^d” đề ngày 15/02/2016 (bút lục 37), nhưng là bản photo có chỉnh sửa, không cung cấp được bản chính để đối chiếu, trong đó người tham gia hụi ở thứ tự số 46 không phải bà Q mà là “Út C”. Út C là chồng của bà L nên chứng cứ bà L đưa ra là không khách quan. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bà Q có tham gia đây hụi này, buộc bà L trả cho bà Q tiền hụi còn thiếu của đây hụi này 11.500.000 đồng là đúng quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ, về họ, hụi, biêu, phường (tương ứng với Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, về họ, hụi, biêu, phường).

[5] Trong giai đoạn phúc thẩm, bà L yêu cầu giám định chữ viết “46. H H” trong “Tờ hùng vốn hàng tháng 500.000^d” đề ngày 15/02/2016 (bút lục 33) do bà Q cung cấp cho Tòa án. Kết quả, tại Kết luận giám định số 11/KLTL-KTHS ngày 10/02/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận: Chữ viết “H H” ở dòng chữ viết “46. H H” ở mặt sau của Tờ hùng vốn hàng tháng 500.000^d, Lung đen: 15/2/2016, được đóng bút lục của TAND H. KẾ SÁCH, BL Số: 33 tài liệu cần giám định (Ký hiệu A) so với chữ viết “H H” do bà Lê Thị L viết ra trong các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1; M2; M3) do cùng một người viết. Chữ viết “H H” ở dòng chữ viết “46. H H” ở mặt sau của Tờ hùng vốn hàng tháng 500.000^d, Lung đen: 15/2/2016, được đóng bút lục của TAND H. KẾ SÁCH, BL Số: 33 tài liệu cần giám định (Ký hiệu A) so với chữ viết “H H” do bà Trần Thị Q viết ra trong các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M4; M5) không phải do cùng một người viết ra.

[6] Căn cứ kết quả giám định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định, bà Q có tham gia đây hụi 1, hụi tháng 500.000 đồng, mở ngày 15/02/2016 âm lịch, do bà L làm chủ hụi. Bà L kháng cáo cho rằng đây hụi này bà Q không có tham gia chơi hụi và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q, về việc yêu cầu bà trả tiền hụi còn thiếu của đây hụi này 11.500.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với đây hụi số 2, hụi tháng 500.000 đồng mở ngày 28/8/2016 âm lịch và đây hụi số 3, hụi mùa 3.000.000 đồng mở ngày 25/10/2016 âm lịch, bà L thừa nhận bà Q có tham gia và bà còn nợ bà Q đây hụi số 2 là 8.500.000 đồng, đây hụi số 3 là 12.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q, buộc bà L trả cho bà Q số tiền hụi còn nợ của 02 đây hụi này và bà đã thống nhất, không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[8] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng không đặt ra xem xét.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà L, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[10] Về chi phí giám định ở giai đoạn phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì, bà L phải chịu là 1.800.000 đồng và đã nộp xong.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm*” và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết này cũng quy định những trường hợp được miễn nộp tiền án phí trong đó có đối tượng là người cao tuổi. Như vậy, bà L là người kháng cáo không được Tòa án chấp nhận và bà là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn nộp tiền án phí phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận miễn án phí phúc thẩm cho bà.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2024/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể:

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q (Hồng H). Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Q (Hồng H) số tiền hụi còn thiếu tổng cộng là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Thị Q (Hồng H) thì hàng tháng, bà Lê Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

1.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Q (Hồng H) không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011725 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Lê Thị L được miễn.

2. Về chi phí giám định: Bà Lê Thị L phải chịu là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) và đã nộp xong.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị L được miễn.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Kế Sách;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Lâm